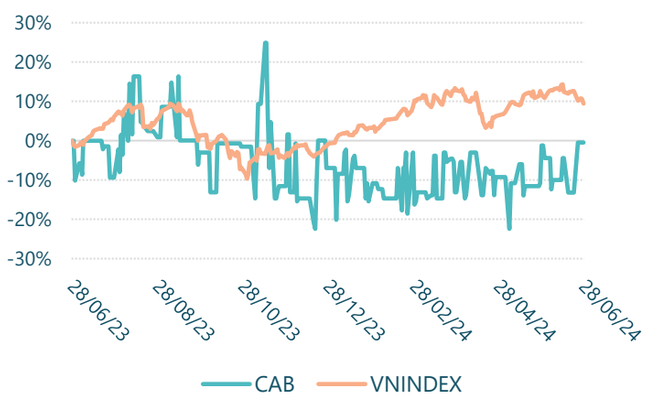
CTCP Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (UPCOM: CAB)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	12,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.2%	**14.6%**	**-0.5%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,739 - 15,680
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	572
Số lượng CPLH (CP)	45,745,876
KLGD BQ 20 phiên (CP)	670
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.80)
EPS	55
P/E	225.8

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

486

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 57.0 | 13.3%

YoY: ▼40.0 | -7.6%

Nợ/VCSH

Q2/24

239%

YoY: +/-▲ 13.8%

LN gộp

Q2/24

101

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.1 | 26.0%

YoY: ▼11.0 | -10.1%

ROE (TTM)

Q2/24

0.4%

YoY: +/-▼ 0.8%

LN trước thuế

Q2/24

0.74

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.62 | -68.6%

YoY: ▼8.01 | -91.5%

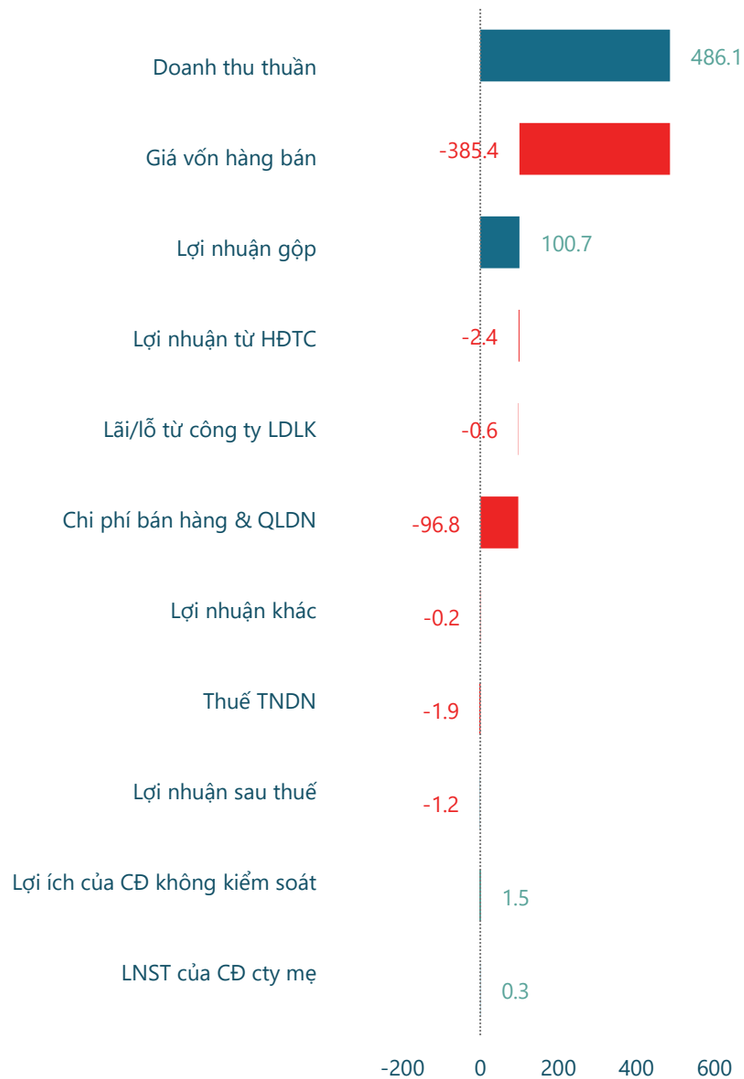
ROA (TTM)

Q2/24

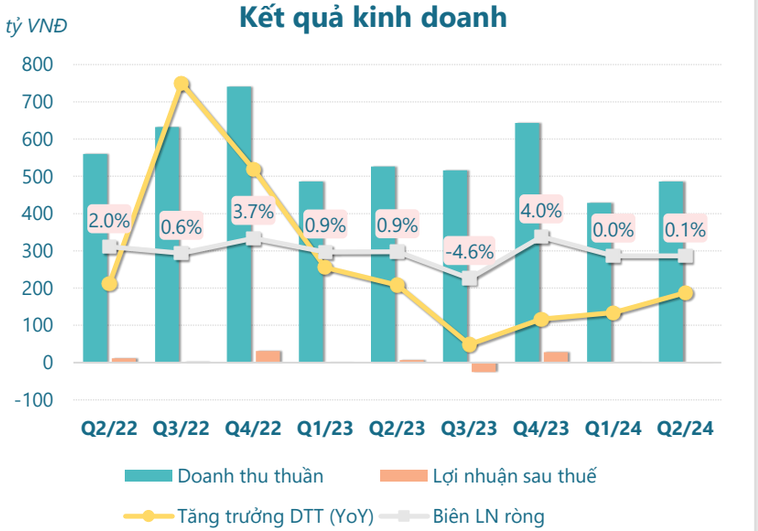
0.1%

YoY: +/-▼ 0.2%

Kết quả kinh doanh Q2/24

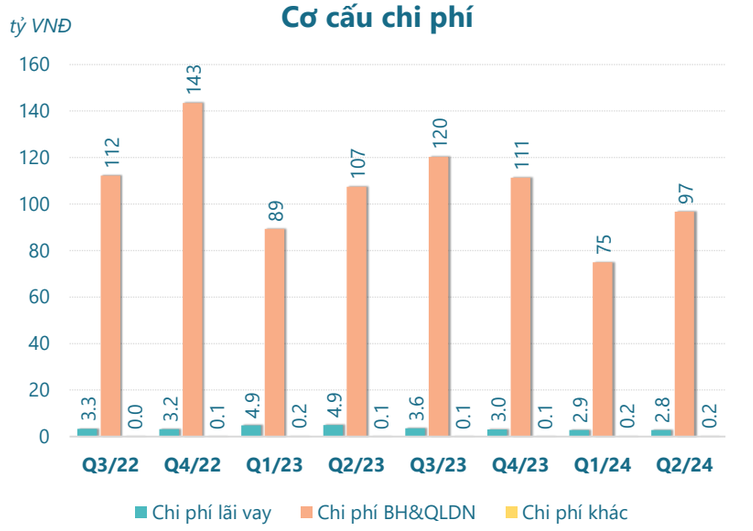


CTCP Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (UPCOM: CAB)



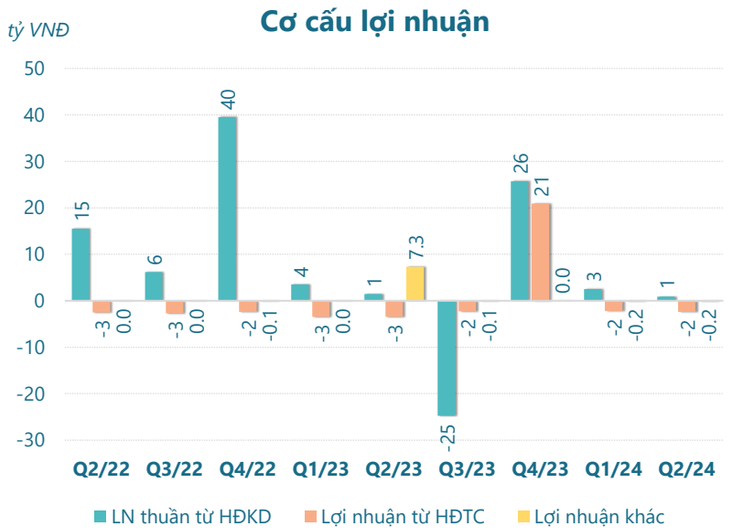
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.91 tỷ đồng**, giảm đi 64.0% so với kỳ trước và thấp hơn 36.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.37 tỷ đồng** giảm đi 0.15 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.17 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 102% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **CAB** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **486.1 tỷ đồng** giảm đi **7.63%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 1.16 tỷ đồng**, **giảm sút 118%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **915.0 tỷ đồng** thấp hơn 9.67% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.81 tỷ đồng** giảm đi 2.09% so với kỳ trước và thấp hơn 42.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **96.78 tỷ đồng** tăng thêm 29.1% so với kỳ trước và thấp hơn 9.96% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.17 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và cao hơn 143% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (UPCOM: CAB)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**486**	**429**	**13.3%**	**526**	**-7.6%**	**915**	**1,013**	**-9.6%**
Giá vốn hàng bán	385	349	10.4%	414	-6.9%	735	804	-8.6%
Lợi nhuận gộp	101	79.9	26.0%	112	-10.1%	181	209	-13.5%
Doanh thu HĐTC	0.79	0.95	-16.8%	1.59	-50.3%	1.74	3.06	-43.1%
Chi phí TC	3.16	3.16	0.2%	5.03	-37.1%	6.33	9.98	-36.6%
Chi phí lãi vay	2.81	2.87	-2.2%	4.90	-42.7%	5.67	9.76	-41.9%
LN trong công ty LKLD	**-0.64**	**-0.22**	**-190%**	**-0.04**	**-1495%**	**-0.85**	**-0.05**	**-1612%**
Chi phí bán hàng	30.2	21.8	38.4%	41.7	-27.6%	52.0	66.5	-21.8%
Chi phí QLDN	**66.6**	**53.2**	**25.2%**	**65.7**	**1.4%**	**120**	**130**	**-8.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.91	2.53	-63.9%	1.44	-36.5%	3.45	4.96	-30.5%
Lợi nhuận khác	**-0.17**	**-0.17**	**-1.8%**	**7.31**	**-102%**	**-0.34**	**7.27**	**-105%**
LN trước thuế	0.74	2.36	-68.6%	8.75	-91.5%	3.11	12.2	-74.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.16**	**0.87**	**-233%**	**6.52**	**-118%**	**-0.28**	**6.69**	**-104%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.30**	**0.17**	**79.1%**	**4.95**	**-93.8%**	**0.47**	**9.27**	**-94.9%**

